

B. Thời hạn của giấy phép lao động tối thiểu là 03 năm.

C. Thời hạn của giấy phép lao động tối đa là 04 năm.

D. Thời hạn của giấy phép lao động tối đa là 05 năm.

Câu 34. Mức phạt tiền nào dưới đây khi người sử dụng lao động có hành vi giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động; Buộc người lao động thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động?

A. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

B. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

C. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

D. Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Câu 35. Người lao động khi bị BHTN được hưởng các chế độ gì?

A. Trợ cấp thất nghiệp.

B. Hỗ trợ Học nghề, Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm.

C. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

D. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 36. Đối tượng nào dưới đây thuộc diện tham gia BHTN

A. Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc không xác định thời hạn.

B. Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc xác định thời hạn.

C. Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 37. Các Trường hợp nào dưới đây chấm dứt hưởng trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp?

A. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật.

B. Hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng.

C. Cả A, B đều đúng.

D. Cả A, B đều sai.

Câu 38. Mức hưởng nào dưới đây được coi là trợ cấp thất nghiệp

A. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng 60%

B. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp 70%

C. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp 75%

D. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp 80%.

Câu 39. Thời điểm hưởng trợ cấp thất nghiệp được quy định như thế nào?

A. Thời điểm hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính từ ngày thứ 15, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

B. Thời điểm hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính từ ngày thứ 16, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

C. Thời điểm hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính từ ngày thứ 20, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

D. Thời điểm hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính từ ngày thứ 30, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

Câu 40. Thời gian đóng và hưởng trợ cấp thất nghiệp được quy định như thế nào?

A. Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính theo số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, cứ đóng đủ 12 tháng đến đủ 36 tháng thì được hưởng 03 tháng trợ cấp thất nghiệp, sau đó, cứ đóng đủ thêm 12 tháng thì được hưởng thêm 01 tháng trợ cấp thất nghiệp nhưng tối đa không quá 12 tháng.

B. Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính theo số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, cứ đóng đủ 12 tháng đến đủ 24 tháng thì được hưởng 03 tháng trợ cấp thất nghiệp.

C. Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính theo số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, cứ đóng đủ 01 tháng đến đủ 12 tháng thì được hưởng 03 tháng trợ cấp thất nghiệp.

D. Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính theo số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, cứ đóng đủ 12 tháng đến đủ 24 tháng thì được hưởng 06 tháng trợ cấp thất nghiệp.

Câu 41. Các trường hợp nào dưới đây được coi là chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp

A. Hết thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp; Tìm được việc làm;

B. Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; Hưởng lương hưu hằng tháng.

C. Sau 02 lần từ chối nhận việc làm do trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp giới thiệu mà không có lý do chính đáng.

D. Cả A, B, C Đều đúng.

Câu 42. Các trường hợp nào dưới đây được bảo lưu thời gian hưởng trợ cấp Thất nghiệp?

A. Tìm được việc làm; Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an.

B. Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

C. Bị tòa án tuyên bố mất tích; Bị tạm giam; chấp hành hình phạt tù. Đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 43. Thời hiệu xử lý kỷ luật lao động được quy định như thế nào?

A. Thời hiệu để xử lý vi phạm kỷ luật lao động tối đa là 03 tháng, kể từ ngày xảy ra vi phạm, trường hợp đặc biệt cũng không được quá sáu tháng.

B. Thời hiệu xử lý kỷ luật lao động tối đa là 06 tháng, kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm; trường hợp hành vi vi phạm liên quan trực tiếp đến tài chính, tài sản, tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh của người sử dụng lao động thì thời hiệu xử lý kỷ luật lao động tối đa là 12 tháng.

C. Thời hiệu để xử lý vi phạm kỷ luật lao động tối đa là 90 ngày, kể từ ngày xảy ra vi phạm, trường hợp đặc biệt cũng không được quá 180 ngày.

D. Thời hiệu xử lý kỷ luật lao động tối đa là 12 tháng, kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm; trường hợp hành vi vi phạm liên quan trực tiếp đến tài chính, tài sản, tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh của người sử dụng lao động thì thời hiệu xử lý kỷ luật lao động tối đa là 24 tháng.

Câu 44. Hình thức xử lý kỷ luật lao động nào dưới đây phù hợp quy định pháp luật?

A. Khiển trách; Kéo dài thời hạn nâng lương không quá sáu tháng hoặc chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn tối đa là sáu tháng hoặc cách chức; Sa thải.

B. Khiển trách; Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng; cách chức; Sa thải.

C. Khiển trách; Cảnh cáo; Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng; cách chức; Sa thải.

D. Khiển trách; Cảnh cáo, chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn tối đa là sáu tháng; Buộc thôi việc.

Câu 45. Người sử dụng lao động được áp dụng hình thức xử lý kỷ luật sa thải trong những trường hợp nào?

A. Người lao động có hành vi trộm cắp, tham ô, đánh bạc, cố ý gây thương tích, sử dụng ma túy trong phạm vi nơi làm việc, tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động;

B. Người lao động bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương mà tái phạm trong thời gian chưa xoá kỷ luật hoặc bị xử lý kỷ luật cách chức mà tái phạm.

C. Người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 46. Những quy định cấm khi xử lý kỷ luật lao động là gì?

A. Xâm phạm thân thể, nhân phẩm của người lao động.

B. Dùng hình thức phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

C. Xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động có hành vi vi phạm không được quy định trong nội quy lao động.

D. Cả A, B và C đúng

Câu 47. Mức phạt tiền nào dưới đây khi người sử dụng lao động Bố trí người lao động làm việc ở địa điểm khác với địa điểm làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động, trừ trường hợp quy định tại Điều 31 của Bộ luật Lao động; Không nhận lại người lao động trở lại làm việc sau khi hết thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, trừ trường hợp người sử dụng lao động và người lao động có thỏa thuận khác; chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động không đúng lý do, thời hạn hoặc không có văn bản đồng ý của người lao động theo quy định của Pháp luật?

A. Mức phạt từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

B. Mức phạt từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

C. Mức phạt từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

D. Phạt từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Câu 48. Mức phạt tiền nào dưới đây khi người sử dụng lao động có hành vi Không lập hồ sơ ghi rõ số lao động đã cho thuê lại, bên thuê lại lao động, phí cho thuê lại lao động; Không thông báo hoặc thông báo sai sự thật cho người lao động biết nội dung của hợp đồng cho thuê lại lao động; Không thông báo bằng văn bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định về địa điểm, địa bàn, thời gian bắt đầu hoạt động và người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp; về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt, vốn điều lệ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; không báo cáo tình hình cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật?

A. Mức Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

B. Mức Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

C. Mức Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

D. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.